

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Heavy

WELDER S3S

WELDERS3S

Giày hàn S3S cao vừa phả

Giày bảo h ộ th ợ hàn nh i, làm không da kim h g cháy, có khóa dán nhanh, mũi giày nano carbon, đế HRO chịu nhiệ t và ch ố n g tĩnh điệ n .

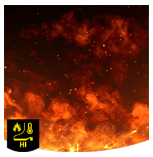
Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên tấm
lót bên trong	i tái chế lướ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	Cao su (NBR), BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-49 / UK 3.5-13.5 / US 4.0-14.5 JPN 22.5-32.5 / KOR 235-325
ng lượng t thép	0.710 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CE · ESD · WPA · HRO · HI · CI · 3FIT SYSTEM



BLK

CO_2 12.35 kg



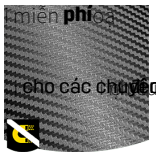
Cách nhiệt **(HI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt (HI) thường được mang trong môi độ nóng. Nó là tăng bên trong giày.



Đ nhiệt Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên các ứng dụng linh hoạt



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , Xây dự n g, Ngành công n ghiệ p , Khai thác m ỏ

ường: **Môi** t
b ề mặt trấm **áp**, môi khô, môi t ạnh hờn, môi ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phải cách hàm hiệ g Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm ớt	? 0.8	2.3		ờ	mg/cm/g
	Top: h i nư ố ớt	? 15	29.4			mg/cm2
ót bên trong		**i tái** ch ế				
	L ớp lót: thấm ớt	? 2	86.31		ờ	mg/cm/g
	lót: h i nư ố ớt	? 20	691			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài Đ		**Cao su (NBR), BASF PU**				
	Ch ố n g trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	116			mm
	Chư ố ớt: gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót v ề phía t	? 0.31	0.39			ma sát
	rư ớt: cốt bản - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38			ma sát
	rư ớt: SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t	? 0.19	0.23			ma sát
	Chư ố ớt: SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt v ề phía t	? 0.22	0.24			ma sát
	ri ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	20.7			megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100	17			megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân ủ	? 20	37			J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	19.5			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i CO phát thả					
	V ật l iệu		10.07		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			12.35 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		5%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.